

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
T PHỐ B  
TỈNH B**

Số: 05/2022/HNGĐ - ST  
Ngày 26 tháng 01 năm 2022  
V/v: “Tranh chấp về ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN T PHỐ B**

***Với T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tư, Bà Nguyễn Thị Vượng

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Cán bộ  
Tòa án nhân dân T phố B

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân T phố B tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị  
Cầm Vân - kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2022, Tòa án nhân dân T phố B xét xử sơ thẩm vụ án  
dân sự sơ thẩm thụ lý số 398/2021/TLST - HNGĐ ngày 06/12/2021 về việc  
“Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐST-DS  
ngày 14/01/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1962 (có mặt).

HKTT: Số 7, đường Cô Bắc, tổ dân phố Châu Xuyên, phường Lê Lợi, T phố  
B, tỉnh B.

Nơi ở hiện nay: Số 36, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Lê Lợi, T phố B,  
tỉnh B.

2. Bị đơn: Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1971

HKTT và nơi ở hiện tại: Số 7, đường Cô Bắc, tổ dân phố Châu Xuyên,  
phường Lê Lợi, T phố B, tỉnh B. (Có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 23/11/2021, bản tự khai và các lời khai tiếp  
theo, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: ông và bà Đỗ Thị T đã tự nguyện  
tìm hiểu, tổ chức lễ cưới, hỏi theo phong tục tập quán địa phương từ năm 1991,  
sau đó vợ chồng về chung sống cùng nhau, đến ngày 20/10/2021 mới đi đăng ký  
kết hôn tại UBND phường Lê Lợi, T phố B. Trong những năm chung sống, cuộc  
sống vợ chồng hòa thuận, đôi lúc cũng phát sinh mâu thuẫn nhỏ về vấn đề kinh tế.  
Tháng 7 năm 2020, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do bà T  
mang tiền tiết kiệm của gia đình và vay mượn tiền của nhiều người khác để tham  
gia đa cấp và vỡ nợ. lúc này bà T mới cho ông biết sự việc, ông đã tha thứ và vay  
tiền trả nợ cho bà T. Ngày 20/10/2021 xảy ra việc xã hội đen đến hất chất bẩn vào

nhà đồng thời có nhiều người đến gia đình đòi tiền, gây áp lực với ông và các con, khi này ông mới biết bà T tiếp tục bóc lột họ, chơi lô đề, vay nợ nhiều bên ngoài, vì vậy ông quyết định sống ly thân. Đến nay, bà T xin đoàn tụ, Tòa án đã hòa giải nhưng ông không đồng ý vì bà T đã nói dối ông nhiều lần, khiến ông không còn tin tưởng, không còn tình cảm, sự tôn trọng với bà T, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông và bà T ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng ông có 02 con chung là Nguyễn T Đô - sinh năm 1991 và Nguyễn Hoàng Long – sinh năm 2000. Các con đã trưởng T và phát triển bình thường nên ông không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Đỗ Thị T tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo trình bày: Bà và ông T đã kết hôn trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp, có đăng ký kết hôn như ông T trình bày. Sau khi cưới, vợ chồng bà về chung sống cùng nhau ngay và cuộc sống hòa thuận đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà nhẹ dạ cả tin, đầu tư vào công ty bán hàng đa cấp Thiên Ngọc Minh Uy, làm thất thoát tiền bạc, sau đó bà có tham gia chơi bắt họ, chơi lô đề mong gỡ lại khoản tiền bị mất, nhưng tiếp tục bị mất tiền khiến ông T mất niềm tin, từ đó vợ chồng mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 7 năm 2021. Nay tình cảm vợ chồng vẫn còn, bà mong muốn ông T tha thứ, cho bà cơ hội để sửa sai, để các con xây dựng gia đình xong, mong ông T rút đơn để đoàn tụ, bà không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung như ông T trình bày, do con chung đã trưởng T và phát triển bình thường nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện tổ dân phố Châu Xuyên, phường Lê Lợi cung cấp: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1962 và bà Đỗ Thị T, sinh năm: 1971 có đăng ký hộ khẩu tại địa phương. Ông T và bà T đã tổ chức lễ cưới từ năm 1991, chung sống đến năm 2021 thì mâu thuẫn gay gắt, nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể địa phương không rõ, chỉ biết có mâu thuẫn về kinh tế, từ khoảng cuối tháng 7 năm 2021 cho đến nay thì ông T, bà T đã sống ly thân. Ngoài ra địa phương không cung cấp gì khác.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý đoàn tụ vợ chồng. Bị đơn có mặt khi xét xử không đồng ý ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, tài sản chung, công nợ. Bị đơn vắng mặt khi tuyên án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân T phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Đề nghị căn cứ điều 28, điều 35, điều 39; điều 147; điều 227; điều 271; điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử cho ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Thị T ly hôn. Về con chung, tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản không đặt ra xem xét. Về án phí, ông T phải chịu. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đơn khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ đã giao nộp là hoàn toàn hợp lệ, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hình thức và nội dung đơn khởi kiện.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Đây là “Tranh chấp về ly hôn”, bị đơn cư trú tại T phố B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân T phố B theo quy định tại điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký và HĐXX đã chấp hành đúng pháp luật. Đối với nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn có mặt khi xét xử, bị đơn vắng mặt khi tuyên án, HĐXX căn cứ điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[4]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn cùng các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho thấy ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Thị T tự nguyện tìm hiểu, tổ chức lễ cưới từ năm 1991, chung sống đến ngày 20/10/2021 mới đăng ký kết hôn tại UBND phường Lê Lợi, T phố B, HĐXX xác định quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà T là hợp pháp.

Về mâu thuẫn: Xét lời khai của ông Nguyễn Văn T và lời khai của bà Đỗ Thị T trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, kết quả xác minh tại địa phương cho thấy, ông T và bà T sau khi tổ chức lễ cưới đã về chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc cho đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà T tham gia bán hàng đa cấp sau đó tiếp tục chơi lô đề, chơi họ dẫn đến nợ nần nhiều tiền, bị thiệt hại lớn về kinh tế gia đình, bị người cho vay đến đe dọa, chửi bới bà T và người thân trong gia đình. Năm 2021 mâu thuẫn vợ chồng gay gắt không thể hòa giải, bà T và ông T đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2021 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần hòa giải, mặc dù bà T không muốn ly hôn nhưng ông T không đồng ý, tại phiên tòa ông T vẫn kiên quyết ly hôn, HĐXX xét thấy mâu thuẫn giữa ông T và bà T đã gay gắt, kéo dài, không thể hòa giải, căn cứ quy định tại điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình quyết định xử cho ly hôn.

Về con chung: Ông T và bà T có hai con chung là Nguyễn T Đô, sinh ngày 26/12/1991 và Nguyễn Hoàng Long, sinh ngày 23/8/2000, đều trên 18 tuổi, khỏe mạnh, phát triển bình thường, HĐXX không xem xét.

[5]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7]. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

**Vì các lẽ trên,**

**QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng điều 28, điều 35, điều 39; điều 147; điều 227; điều 271; điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Thị T ly hôn.

Về con chung: Không xem xét.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không đặt ra xem xét.

Về án phí: ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0001243 ngày 05/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự T phố B. Xác nhận ông T đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP B;
- TAND, VKSND Tỉnh B;
- THADS TP B;
- UBND Phường Lê Lợi, TP B
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Hằng**